

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2015
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2015
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2017

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Vinh Quang, bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2015.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

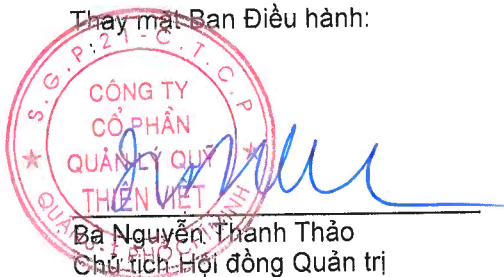
Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61343540/20392078

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Văn Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1



Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.659.061.638	58.319.076.004
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.307.305.103	1.496.523.062
111	1. Tiền		1.007.305.103	1.496.523.062
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.300.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		27.270.000.000	27.270.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	27.270.000.000	27.270.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	820.001	29.511.740.942
132	1. Trả trước cho người bán		-	510.668.605
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		-	29.001.072.337
135	3. Các khoản phải thu khác		820.001	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		80.936.534	40.812.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	38.805.892	40.812.000
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	42.130.642	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		654.567.208	79.931.159
260	I. Tài sản dài hạn khác		654.567.208	79.931.159
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	622.356.409	56.352.897
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	32.210.799	23.578.262
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		36.313.628.846	58.399.007.163
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.555.025.692	16.177.394.535
310	I. Nợ ngắn hạn		6.555.025.692	16.177.394.535
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.491.776.797	7.138.266.107
315	2. Phải trả người lao động		2.949.388.544	6.693.658.812
316	3. Chi phí phải trả	11	120.000.000	70.000.000
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	1.890.000.000
323	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.993.860.351	385.469.616
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		29.758.603.154	42.221.612.628
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.271.934.046	1.189.664.983
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.271.934.046	1.189.664.983
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.214.735.062	14.842.282.662
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		36.313.628.846	58.399.007.163

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		27.000.000.000	27.000.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		27.000.000.000	27.000.000.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		103.379.232.224	124.334.126.762
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	20	103.379.232.224	124.334.126.762
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		297.854.807.612	260.813.509.411
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	21	297.854.807.612	260.813.509.411
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		137.430.247	1.077.000.000
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		1.734.228.885	18.792.375.361

Loan

Thu



Thanh Thảo

Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu		8.753.020.937	34.205.737.324
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	13	8.753.020.937	34.205.737.324
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	14	(5.093.875.670)	(14.810.275.293)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.659.145.267	19.395.462.031
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	15	230.933.335	2.457.197.011
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(1.795.852.025)	(722.774.856)
30	7. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		2.094.226.577	21.129.884.186
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.094.226.577	21.129.884.186
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.2	(448.845.316)	(5.045.976.837)
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.645.381.261	16.083.907.349
70	11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	658	6.434



Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 18 tháng 3 năm 2019


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

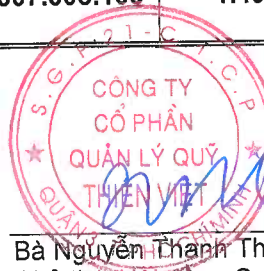
B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		2.094.226.577	21.129.884.186
05	<i>Điều chỉnh:</i> 1. Lãi từ hoạt động đầu tư	15	(230.933.335)	(2.457.197.011)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		1.863.293.242	18.672.687.175
09	1. Giảm/(tăng) các khoản phải thu		29.460.977.763	(20.347.281.565)
11	2. (Giảm)/tăng các khoản phải trả		(6.237.727.007)	9.165.980.141
12	3. Tăng chi phí trả trước		(563.997.404)	(69.800.338)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(5.441.877.887)	(1.618.845.836)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.080.668.707	5.802.739.577
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5, 19	-	(3.030.000.000)
27	2. Lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia	15	230.113.334	2.457.435.900
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		230.113.334	(572.564.100)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.500.000.000)	(6.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(12.500.000.000)	(6.250.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.810.782.041	(1.019.824.523)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.496.523.062	2.516.347.585
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	8.307.305.103	1.496.523.062


Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập


Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2017 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2018 VND	Năm 2017		Năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		385.469.616	1.189.664.983	804.195.367	-	82.269.063	-	1.189.664.983	1.271.934.046
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		385.469.616	1.189.664.983	804.195.367	-	82.269.063	-	1.189.664.983	1.271.934.046
4. Lợi nhuận chưa phân phối		7.002.235.663	14.842.282.662	16.083.907.349	(8.243.860.350)	1.645.381.261	(14.272.928.861)	14.842.282.662	2.214.735.062
TỔNG CỘNG		32.773.174.895	42.221.612.628	17.692.298.083	(8.243.860.350)	1.809.919.387	(14.272.928.861)	42.221.612.628	29.758.603.154

Trong năm, Công ty đã trích 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2017 để lập quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.608.390.735 đồng và thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 50% mệnh giá cổ phiếu cho cổ đông với tổng số tiền là 12.500.000.000 đồng theo Nghị quyết 0204/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị. Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 với số tiền là 164.538.126 đồng.

Loan

Bà Vương Thị Thủy Loan
Người lập

lu

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 12 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí tài chính*" trong năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Lợi ích của nhân viên

3.7.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.7.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.12 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt bằng VND	24.210.476	30.677.090
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	983.094.627	1.465.845.972
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	669.899.423	744.900.352
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	300.009.438	707.838.712
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	13.185.766	13.106.908
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng bằng VND	7.300.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	5.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.300.000.000	-
	8.307.305.103	1.496.523.062

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	24.240.000.000	24.240.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	3.030.000.000	3.030.000.000
	27.270.000.000	27.270.000.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	-	29.001.072.337
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Thuyết minh số 19)	-	16.209.169.951
- Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	-	12.791.902.386
Trả trước người bán	-	510.668.605
- Công ty TNHH MTV C.B.S Việt Nam	-	510.668.605
Lãi dự thu tiền gửi có kì hạn	820.001	-
	820.001	29.511.740.942

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	19.800.000	19.800.000
Cước phí dịch vụ Internet	8.250.000	-
Khác	10.755.892	21.012.000
	38.805.892	40.812.000

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Chi phí sửa chữa văn phòng	564.053.925	-
Chi phí xây dựng website	7.833.327	26.633.331
Công cụ, dụng cụ	7.019.160	29.719.566
Khác	43.449.997	-
	622.356.409	56.352.897

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc phí taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	17.210.799	8.578.262
	32.210.799	23.578.262

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/(PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số phải nộp trong năm VND</i>	<i>Số đã nộp trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 17.2)	4.950.901.929	448.845.316	(5.441.877.887)	(42.130.642)
Thuế thu nhập cá nhân	2.187.364.178	1.792.674.174	(2.488.261.555)	1.491.776.797
	7.138.266.107	2.241.519.490	(7.930.139.442)	1.449.646.155

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là chi phí dịch vụ chuyên môn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

12. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 178/QĐ-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	24.800.000.000	99,20	24.800.000.000
Trần Vinh Quang	100.000.000	0,40	100.000.000
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,40	100.000.000
	25.000.000.000	100,00	25.000.000.000

13. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	3.396.617.448	19.524.099.308
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Thuyết minh số 19)	3.396.617.448	19.378.676.396
- Khác	-	145.422.912
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	2.033.578.117	14.681.638.016
Phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	1.622.825.372	-
Phí phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	1.700.000.000	-
	8.753.020.937	34.205.737.324

14. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.052.022.852	12.922.650.216
Phí môi giới dịch vụ phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	681.586.200	-
Chi phí thuê văn phòng	506.753.589	500.192.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.842.497	994.680.979
Chi phí đồ dùng văn phòng	261.826.076	22.439.340
Chi phí bằng tiền khác	245.637.456	370.312.545
Thuế, phí và lệ phí	2.207.000	-
	5.093.875.670	14.810.275.293

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	230.933.335	57.197.011
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.400.000.000
	230.933.335	2.457.197.011

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.489.095.254	660.711.825
Thuế, phí và lệ phí	13.049.530	7.913.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.194.498	4.704.751
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	10.414.149
Chi phí khác	286.512.743	39.030.248
	1.795.852.025	722.774.856

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17.2 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.094.226.577	21.129.884.186
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	418.845.316	4.225.976.837
Các khoản điều chỉnh tăng	30.000.000	820.000.000
- Chi phí không được khấu trừ		
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính	448.845.316	5.045.976.837

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty (VND)	1.645.381.261	16.083.907.349
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	658	6.434

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS")	Công ty mẹ	Thu nhập phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 13)	3.396.617.448	19.378.676.396
		Tăng tiền gửi ủy thác	483.688.636.557	526.236.229.583
		Giảm tiền gửi ủy thác	(504.643.531.095)	(469.838.215.018)
		Chi cổ tức trong năm	(12.400.000.000)	(6.200.000.000)
		Phí lưu ký	(11.392.000)	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Thu phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 13)	2.033.578.117	14.681.638.016
		Cổ tức được chia trong năm	-	2.400.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn	-	3.030.000.000
		Thu phí phát hành chứng chỉ quỹ	1.700.000.000	-
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 13)	1.622.825.372	-
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	3.227.849.636	2.949.443.727

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư các khoản phải thu và (phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh số 6)	-	16.209.169.951
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 19) Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	24.240.000.000 -	24.240.000.000 12.791.902.386
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	Bên liên quan	Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh số 19)	3.030.000.000	3.030.000.000
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Ban Điều hành	Lương, phụ cấp và thù lao	-	1.890.000.000

20. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	124.334.126.762	68.727.795.841
Tăng trong năm	483.688.636.557	533.123.056.140
Giảm trong năm	(504.643.531.095)	(477.516.725.219)
Số cuối năm	103.379.232.224	124.334.126.762

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

21. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	297.854.807.612	260.813.509.411
Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:		
BSR	36.857.398.435	-
MWG	32.773.069.000	20.426.981.000
KBC	28.880.306.003	19.130.420.591
LPB	24.476.720.000	-
TCM	21.913.625.009	-
MBB	15.442.000.000	-
DHC	11.017.000.000	-
CII	10.856.079.000	-
HUT	10.800.000.000	17.077.010.000
REE	8.081.537.500	-
DCM	8.075.137.000	-
SCR	7.988.750.000	-
CEE	6.527.364.000	10.108.799.500
SSI	6.243.355.600	-
LHG	2.107.978.000	-
VSC	1.294.476.483	22.757.158.799
VJC	880.800	-
DMC	693.600	-
HSG	196.000	254.500
KSB	194.091	4.477.617.500
FCN	138.582	-
CEO	-	24.146.526.857
PME	-	2.213.700.000

22. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu cổ tức	136.296.000	592.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	1.134.247	-
Phải thu bán chứng khoán	-	485.000.000
	137.430.247	1.077.000.000

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	1.723.000.000	2.577.942.594
Phải trả phí khác	11.228.885	16.214.432.767
	1.734.228.885	18.792.375.361

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	530.172.300	357.715.440
Từ 1 đến 5 năm	441.810.250	-
	971.982.550	357.715.440

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

25.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bắt kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.007.305.103	7.300.000.000	-	8.307.305.103
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	820.001	-	820.001
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	32.210.799	32.210.799
	28.277.305.103	7.300.820.001	32.210.799	35.610.335.903
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	120.000.000	-	120.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.496.523.062	-	-	1.496.523.062
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	29.001.072.337	-	29.001.072.337
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	23.578.262	23.578.262
	28.766.523.062	29.001.072.337	23.578.262	57.791.173.661
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	70.000.000	-	70.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.307.305.103	1.496.523.062	8.307.305.103	1.496.523.062
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	27.270.000.000	37.830.000.000	34.110.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	820.001	29.001.072.337	820.001	29.001.072.337
Ký quỹ, ký cược dài hạn	32.210.799	23.578.262	32.210.799	23.578.262
	35.610.335.903	57.791.173.661	46.170.335.903	64.631.173.661
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	120.000.000	70.000.000	120.000.000	70.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn lấy theo giá đóng cửa của chứng khoán niêm yết tại ngày 28 tháng 12 năm 2018 là ngày giao dịch cuối cùng trong năm.


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


B09-CTQ


27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Bà Vương Thị Thúy Loan
Người lập


Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán Trưởng


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

